

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MƯỜNG CHÀ
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 11/2021/HNGĐ-ST
Ngày 19/7/2021
V/v: Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MƯỜNG CHÀ, TỈNH ĐIỆN BIÊN**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lò Văn Dinh.

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Khoàng Văn Hặc.

2. Ông Nguyễn Khắc Thiện.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Phượng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Chà tham gia phiên tòa: Ông Phạm Khả - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2021, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Mường Chà tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 33/2021/HNGĐ-ST ngày 14/4/2021 về việc ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số: 06/2021/QĐHPT-ST ngày 02 tháng 7 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị L T Y - Sinh năm: 1983.

Địa chỉ: Bản C P, P T T, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên - Có mặt.

- Bị đơn: Anh N V T - Sinh năm: 1978.

Địa chỉ: Tổ dân phố số 4, T T MC, H M C, tỉnh Điện Biên - Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 12/4/2021, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa ngày hôm nay, nguyên đơn chị L T Y trình bày:

* Về hôn nhân: Chị và anh N V T, quen biết và tìm hiểu sau đó anh chị tiến hôn nhân, tổ chức đám lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương có sự chứng kiến của hai bên gia đình, và đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 10/9/2014 tại UBND phường Thanh Trường, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. Anh chị đến với nhau và đăng ký kết hôn với nhau là hoàn toàn tự nguyện không bị ai ép buộc. Sau khi về chung sống anh chị chỉ chung sống hạnh phúc được thời gian đầu, đến đầu năm 2019 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do anh T lao vào con đường nghiện chất ma túy từ đó giữa vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau đôi khi dẫn đến xô xát. Chị đã nhiều lần khuyên ngăn nhưng anh T không

chịu bỏ ma túy càng ngày càng nghiện sâu. Do anh chị không có việc làm ổn định, công việc chính là làm thuê, nên thường xuyên đi làm thuê, đến đầu năm 2019 giữa vợ chồng xảy ra cãi nhau, sau buổi cãi nhau anh chị đều đi làm thuê, mỗi người làm một nơi khác nhau và anh chị sống ly thân với nhau từ đó đến nay, giữa vợ chồng không còn quan tâm đến nhau. Nay chị thấy chị không còn tình cảm vợ chồng với anh T, cuộc sống chung giữa vợ chồng không thể kéo dài thêm, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh N V T.

* Về con chung: Chị và anh T không có, không Y cầu Tòa án giải quyết.

* Về tài sản chung, riêng và công nợ: Không có, không Y cầu giải quyết.

* Anh N V T vắng mặt tại phiên tòa, trong quá trình giải quyết vụ án anh T không giao nộp bất cứ tài liệu, chứng cứ hay văn bản ghi ý kiến của mình cho Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án không vi phạm gì. Đồng thời đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; 39; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 8; khoản 1 Điều 9; các Điều 51; 53; 54; 56; 57 của Luật hôn nhân và gia đình: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị L T Y. Tuyên xử cho chị L T Y được ly hôn với anh N V T.

Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016 của UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc chị L T Y phải chịu 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân gia đình bị đơn trú tại tổ dân phố số 4, T T MC, H M C, tỉnh Điện Biên. Vậy, Tòa án nhân dân huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý vụ án cho các đương sự; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa. Do anh T không thường xuyên ở nhà nên Tòa án không tổng đạt trực tiếp được các thông báo và Quyết định của Tòa án cho anh T, Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng đó đảm bảo đúng quy định pháp luật. Anh N V T được triệu tập họp lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, chị L T Y có mặt tại phiên tòa. Do vậy, căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh T theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung vụ án: Xét quan hệ hôn nhân chị Y và anh T sau khi tìm hiểu Y thương nhau, được sự nhất trí của hai bên gia đình, anh chị tiến tới hôn nhân có tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương và đăng ký hôn với nhau vào ngày 10/9/2014 tại UBND phường Thanh Trường, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. Việc anh chị về chung sống và đăng ký kết hôn với nhau là trên cơ sở tự nguyện không bị ép buộc, tuân thủ các quy định của luật hôn nhân và gia đình. Vậy cuộc hôn nhân giữa chị L T Y và anh N V T là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Cuộc sống chung của anh, chị hoà thuận, hạnh phúc chỉ được thời gian đầu, sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là anh T lao vào con đường nghiện chất ma túy, chị Y đã khuyên ngăn nhiều lần nhưng anh T không chịu bỏ ma túy, từ đó giữa vợ chồng thường xuyên xảy ra tranh cãi nhau. Đỉnh điểm cao nhất việc mâu thuẫn giữa vợ chồng là đầu năm 2019 sau khi xảy ra cãi nhau, anh chị đều đi làm thuê, không còn chung sống với nhau từ đó đến nay, trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày không còn quan tâm đến nhau. Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm mở phiên tòa, Tòa án đã niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo quy định. Tuy nhiên anh T không gửi cho Tòa án văn bản nào ghi ý kiến của mình. Trong quá trình giải quyết Tòa án tiến hành xác minh về tình trạng hôn nhân. Tiến hành lấy lời khai bà Nguyễn Thị Thanh Hương là chị gái ruột và là người anh T ở cùng về vấn đề nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn. Hội đồng xét xử xét thấy hiện chị Y và anh T không còn tình cảm vợ chồng với nhau, cuộc sống chung không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được do vậy, HĐXX cần chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Y đối với anh T. Tuyên xử cho chị Y được ly hôn với anh T là phù hợp theo quy định tại Điều khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. Về con chung: Chị L T Y và anh N V T không có con chung. Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

[4] Về tài sản chung: Chị L T Y và anh N V T không có tài sản chung. Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về công nợ: Không có. Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

[6]. Xét ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa nhận xét và có quan điểm: Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và các đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật; Quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên tại phiên tòa phù hợp với quan điểm giải quyết vụ án của Hội đồng xét xử sơ thẩm.

[7]. Về án phí: Buộc chị L T Y phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

* Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 8; khoản 1 Điều 9; các Điều 51; 53; 54; 56; 57 của Luật hôn nhân và gia đình.

* Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016 của UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị L T Y. Chị L T Y được ly hôn với anh N V T.

2. Về con chung: Không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung và công nợ: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Buộc chị L T Y phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị Y đã nộp tại biên lai số: AB/2010/00399 ngày 14/4/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên. Chị L T Y đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

* Căn cứ vào Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự: chị L T Y có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 19/7/2021. Anh N V T vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- P.KT NV– THA TAND tỉnh DB;
- Viện kiểm sát huyện Mường Chà;
- Chi cục THADS huyện Mường Chà;
- UBND phường Thanh Trường;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lò Văn Dinh

